

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2024/DS-PT

Ngày: 23 -12- 2024.

V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự
mua bán và vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch

Bà Nguyễn Thị Bích Thảo

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Nghi – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 230/2024/TLPT-DS ngày 23/10/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán và vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2024/DS-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 455/2024/QĐ-PT ngày 05/11/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 277/2024/QĐ-PT ngày 11/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1972; địa chỉ: Số A, đường H, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Đoàn Văn D; địa chỉ: Số B, đường P, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Lương Thị V, sinh năm 1977; địa chỉ: Số B, đường P, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1968; địa chỉ: Số E, thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1972; địa chỉ: Số A, đường H, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (văn bản uỷ quyền ngày 19/8/2024). Có mặt.

Người kháng cáo: ông Đoàn Văn D – bị đơn

Bà Lương Thị V – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Lê Thị Kim T trình bày:

Ngày 26-5-2023 vợ chồng ông D, bà V và bà có chót số tiền vay trong Giấy vay tiền, tổng số tiền vợ chồng ông D còn nợ lại bà là 3.473.000.000 đồng (*Trong đó tiền nợ gốc 1.780.000.000 đồng + Tiền lãi 1.693.000.000 đồng*) và tiền mua bán vật liệu xây dựng. Đến ngày 05-11-2023 vợ chồng ông D, bà V còn nợ tiền mua bán vật liệu xây dựng là 710.740.000 đồng. Ngày 05-3-2024 vợ chồng D, bà V đã trả cho bà 200.000.000 đồng tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ lại là 510.740.000 đồng. Tổng số tiền gốc của 2 khoản vay còn nợ lại là 3.983.740.000 đồng (*Trong đó tiền vay là 3.473.000.000 đồng + tiền mua bán vật liệu xây dựng là 510.740.000 đồng*).

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông D, bà V, có trách nhiệm trả số tiền gốc 3.983.000.00 đồng và tiền lãi suất với hai khoản vay, nợ như sau: Đối với khoản vay ngày 26-5-2023 số tiền là 3.473.000.000 đồng tính lãi suất từ ngày 26-5-2023 đến ngày 05-6-2024 là 12 tháng, với mức lãi suất 1,66%/ tháng thành tiền là 709.000.000 đồng. Đối với khoản nợ mua bán vật liệu xây dựng là 510.740.000 đồng tính lãi suất từ ngày 05-11-2023 đến ngày 05-6-2024 là 7 tháng với mức lãi suất 1,66%/ tháng thành tiền 59.300.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi 2 khoản vay, nợ là 4.752.080.000 đồng.

Ngày 11-7-2024 bà xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ 1.780.000.000 đồng, tính lãi suất trong hạn từ ngày 26-5-2023 đến ngày 26-6-2023 với mức lãi suất 1,66%/ tháng thành tiền 29.548.000 đồng và lãi suất quá hạn tính từ ngày 27-6-2023 đến ngày 27-6-2024 là 12 tháng với mức lãi suất 2,49%/ tháng thành tiền 531.864.000 đồng.

Tại phiên Toà bà chỉ yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,66% tính từ ngày 27-6-2023 đến ngày 27-8-2024 là 15 tháng thành tiền 443.000.000 đồng. Tổng cộng cả gốc, lãi 4.426.740.000 đồng.

Qua yêu cầu của ông T1 đại diện theo uỷ quyền bà V yêu cầu bà cung cấp toàn bộ chứng cứ, tài liệu hai bên vay mượn và mua bán, bà không cung cấp được vì lý do ngày 26-5-2023 giữa bà và vợ chồng ông D, bà V đã tiến hành chốt nợ. Vợ chồng ông D, bà V đã thống nhất số tiền còn nợ và ký ghi họ tên vào giấy vay tiền. Sau khi chốt nợ bà không còn lưu giữ chứng từ về việc mua bán, vay mượn để cung cấp cho Tòa án. Bà khẳng định việc vay mượn tiền và mua vật liệu xây dựng giữa cá nhân với cá nhân không liên quan gì đến doanh nghiệp của hai bên.

Bị đơn ông Đoàn Văn D vắng mặt không có ý kiến.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11-7-2024 và tại phiên tòa, ông T1 đại diện theo uỷ quyền của bà Lương Thị V trình bày:

Đề nghị Tòa án ghi lời khai đối chất và yêu cầu bà T cung cấp toàn bộ chứng cứ hai bên vay mượn và mua bán. Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông D, bà V, có trách nhiệm thanh trả số tiền 3.983.000.000 đồng và tính lãi suất trên số tiền nợ gốc 1.780.000.000 đồng, tính lãi suất trong hạn từ ngày 26-5-2023 đến ngày 26-6-2023 với mức lãi suất 1,66%/ tháng thành tiền 29.548.000 đồng và lãi suất quá hạn tính từ ngày 27-6-2023 đến ngày 27-6-2024 là 12 tháng với mức lãi suất 2,49%/ tháng thành tiền 531.864.000 đồng thì không đồng ý.

Ông xác định số tiền 1.780.000.000 đồng là tiền mua bán, không phải là tiền vay. Nay bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông D, bà V trả số tiền gốc và lãi 4.426.740.000 đồng thì không đồng ý trả, chỉ đồng trả số tiền 1.780.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định và số tiền mua bán vật liệu xây dựng 510.740.000 đồng, còn số tiền 1.693.000.000 đồng thì không đồng ý trả.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không được.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 55/2024/DSST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim T về việc khởi kiện “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán và vay tài sản*”.

Buộc vợ chồng ông Đoàn Văn D, bà Lương Thị V có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Lê Thị Kim T số tiền 4.426.740.000 đồng.

2. Đình chỉ một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim T về việc yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 24/9/2024, ông Đoàn Văn D và bà Lương Thị V kháng cáo không đồng ý một phần nội dung của bản án sơ thẩm. Đề nghị, Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn sửa quan hệ tranh chấp là hợp đồng mua bán tài sản chứ không phải vay tài sản và không đồng ý trả số tiền 1.693.000.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn vì đây là tiền lãi.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bà Lương Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; ông Đoàn Văn D vắng mặt lần thứ hai bên đình chỉ yêu cầu kháng cáo của ông D.

Nguyên đơn không kháng cáo và không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Đoàn Văn D; Chấp nhận một phần kháng cáo của bà V, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo đúng quy định của pháp luật, đơn kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Văn D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị V trong thời hạn luật định và thủ tục kháng cáo đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện xét xử phúc thẩm.

[2] Ông Đoàn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên được coi từ bỏ kháng cáo. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Văn D.

[3] Xét kháng cáo của bà Lương Thị V thấy rằng:

[3.1] Đối với số tiền gốc 1.780.000.000 đồng, tiền lãi trên số tiền 1.780.000.000 đồng là 443.000.000 đồng, tiền vật liệu xây dựng còn thiếu 510.740.000 đồng các bên đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3.2] Bà Lương Thị V kháng cáo không đồng ý trả số tiền 1.693.000.000 đồng vì bà cho rằng đây là số tiền lãi do bà T tính từ số tiền gốc 1.780.000.000 đồng. Điều này phù hợp với chứng cứ do bà T xuất trình là giấy vay tiền ghi ngày 26/5/2023 ghi nội dung “món gốc là 1.780.000.000 + VLĐX+ tiền lãi = 1.693.000.000đ...” và bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc từ đâu để cộng thành số tiền 1.693.000.000 đồng, bà trình bày sau khi hai bên chốt nợ nên bà không còn lưu giữ chứng từ về việc mua bán.

Tại phiên toà, trong số tiền 1.693.000.000 đồng bà T đồng ý căn trừ các khoản tiền do chứng cứ bị đơn đưa ra và yêu cầu bà V, ông D trả cho bà số tiền vật liệu xây dựng còn thiếu theo giấy chốt nợ ngày 26/5/2023 là 252.000.000 đồng. Xét việc đồng ý căn trừ các khoản tiền mua bán vật liệu giữa bà T và bà V là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ do bà V xuất trình nên cần căn ghi nhận và buộc ông D, bà V có nghĩa vụ thanh toán số tiền vật liệu xây dựng, tiền lãi còn thiếu theo giấy chốt nợ ngày 26/5/2023 là 252.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bà V, ông D phải trả cho bà T: 2.985.740.000 đồng.

[3.3] Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lương Thị V. Sửa Bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[4] Về án phí:

Do kháng cáo của bà Lương Thị V được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Do đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Đoàn Văn D nên tiền án phí phúc thẩm của ông D sẽ sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Văn D.

Chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị V.

Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 55/2024/DSST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim T đối với ông Đoàn Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị V về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản*”

Buộc ông Đoàn Văn D và bà Lương Thị V có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Kim T số tiền 2.475.000.000 đồng (trong đó nợ gốc 1.780.000.000 đồng + 252.000.000 đồng + nợ lãi 443.000.000 đồng tính đến ngày 26/8/2024).

Buộc ông Đoàn Văn D và bà Lương Thị V có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Kim T số tiền 510.740.000 đồng tiền mua bán vật liệu xây dựng .

Tổng cộng số tiền ông Đoàn Văn D và bà Lương Thị V có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị Kim T là 2.985.740.000 đồng (Hai tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi ngàn đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim T về yêu cầu tính lãi trên số tiền 510.740.000 đồng và với yêu cầu buộc ông Đoàn Văn D bà Lương Thị V trả số tiền 1.441.000.000 đồng.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lê Thị Kim T phải chịu án phí sơ thẩm là 55.230.000 đồng được trừ vào số tiền 56.380.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai thu số 0005892 ngày 07/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh. Hoàn trả cho bà Lê Thị Kim T 1.152.000 đồng án phí còn thừa.

Buộc ông Đoàn Văn D và bà Lương Thị V phải nộp 91.714.800 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai thu số số 0004223 ngày 14/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh. Ông Đoàn Văn D, bà Lương Thị V còn phải nộp 91.414.800 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

- Về án phí Dân sự phúc thẩm:

Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004224 ngày 14/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh do bà Lương Thị V nộp thay ông Đoàn Văn D.

Bà Lương Thị V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ &THA (01);
- TAND H.Di Linh (01);
- Chi cục THADS H.Di Linh(01);
- Các đương sự (05);
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Châu Thạch Nguyễn Thị Bích Thảo

Nguyễn Thành Tâm

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ &THA;
- TAND H.Di Linh;
- Chi cục THADS H.Di Linh;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Hữu Nhân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Châu Thạch

Lê Thị Vân

Bùi Hữu Nhân

